

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2023/DS-PT

Ngày: 08/12/2023

V/v: “*Tranh chấp tiền gửi,
sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Bà Lê Thị Ký

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp tiền gửi và sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng*”. Do bản án sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2023/QĐXX-PT ngày 09/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Tấn M**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: C Hồ V, tổ C, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B**

Địa chỉ: D N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2021: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1982 – chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ (có mặt).

Địa chỉ chi nhánh: 35-36-37, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Tấn M trình bày:

Ông là khách hàng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng), nhận được lời mời từ phía Ngân hàng, ngày 08/7/2019 ông tiến hành mở thẻ ATM để tiện rút tiền từ máy ATM và nhận tiền chuyển đến tài khoản ngân

hàng của ông. Sau một thời gian, ông tiến hành giao dịch bán điện thoại kèm quà tặng với giá 1.000 USD (quy đổi tương đương 22.500.000 đồng), khách hàng của ông báo đã chuyển tiền qua ngân hàng TMCP B với số tiền 22.500.000 đồng. Ông tiến hành giao hàng và kết thúc giao dịch (thông tin liên quan bị hủy), ông rút tiền với số tiền 12.000.000 đồng từ tài khoản nêu trên. Cụ thể, ông rút số tiền 12.000.000 đồng, vào các ngày 18/2/2020: số tiền 2.000.000 đồng; ngày 19/2/2020: 3.500.000 đồng; tổng cộng trong ngày 21/2/2020: 5.000.000 đồng; ngày 23/3/2020: 1.500.000 đồng.

Mục đích để sử dụng và sau đó nhận được thông báo đòi nợ từ ngân hàng. Qua làm việc với ngân hàng thì ngân hàng không xuất trình được giấy vay nợ của ông và chứng từ có xác nhận ông đã nhận tiền của ngân hàng. Sau đó thẻ của ông bị khóa, hiện trong tài khoản của ông còn lại số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 04/12/2020, đến thời hạn tắt toán thẻ tiết kiệm số AA540838 số tiền 50.000.000 đồng lãi suất 8,6%, tổng số tiền gốc và lãi 56.393.607 đồng nhưng ngân hàng không trả đủ số tiền cho ông mà chỉ trả lại số tiền 38.089.530 đồng còn thiếu 18.304.077 đồng.

Nay ông yêu cầu Ngân hàng TMCP B trả lại cho ông số tiền còn trong thẻ mã số 4206920011453332 là số tiền 10.500.000 đồng và số tiền 18.304.077 đồng ngân hàng đã thu trừ vào số tiền trong sổ tiết kiệm.

Theo bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Trương Văn T1 trình bày:

Ngày 08/7/2019, Ngân hàng ký phát hành thẻ tín dụng cho ông Phan Tấn M theo giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, số hợp đồng 03319000085TD ngày 05/7/2019 hạn mức tín dụng 23.000.000 đồng. Ông M đã dùng thẻ để rút tiền từ máy ATM tổng số tiền 12.000.000 đồng, vào các ngày 18/2/2020: số tiền 2.000.000 đồng; ngày 19/2/2020: 3.500.000 đồng; tổng cộng trong ngày 21/2/2020: 5.000.000 đồng; ngày 23/3/2020: 1.500.000 đồng. Sau khi rút tiền ông M không thanh toán gốc và lãi thẻ tín dụng. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, lập biên bản nhưng ông M không thực hiện, ông M khẳng định đã rút từ thẻ tín dụng hơn mười triệu đồng nhưng nói đây là tiền người khác chuyển đến chứ không phải tiền từ tài khoản tín dụng. Ngân hàng yêu cầu cung cấp thông tin người chuyển tiền đến nhưng ông M không cung cấp được. Qua sao kê kiểm tra, ngân hàng nhận thấy không có bất kỳ khoản tiền nào chuyển đến cho ông M. Đến ngày 04/12/2020 khi tài khoản thanh toán của ông M có tiền nên ngân hàng thu nợ gốc và nợ lãi quá hạn tổng số tiền Ngân hàng thu hồi là 18.304.077 đồng.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông số tiền trên và đòi lại số tiền 10.500.000 đồng của ông M thì ngân hàng không đồng ý, vì qua sao kê kiểm tra, ngân hàng nhận thấy không có bất kỳ khoản tiền nào chuyển đến cho ông M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DSST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức Tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 116, 117, 385, 463, 466 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức...; Thông tư số 03/VBHN-NHNN ngày 17 tháng 01 năm 2020 quy định về hoạt động thẻ tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tấn M về việc “Tranh chấp tiền gửi; tranh chấp sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng”.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/4/2023 ông Phan Tấn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Ngày 04/6/2019 ông Phan Tấn M gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP B, số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn gửi 12 tháng (từ ngày 04/6/2019 đến ngày 04/12/2020). Đến ngày 08/7/2019 ông M vay của ngân hàng TMCP B số tiền 23.000.000 đồng dưới hình thức ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông M. Sau đó, ông M có rút số tiền 12.000.000 đồng từ thẻ tín dụng này nhưng chưa thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng, tổng cộng số tiền 18.304.077 đồng. Theo thỏa thuận tại giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng thì “*Khi đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải trả, ngân hàng được quyền áp dụng các biện pháp bao gồm:...Tự động trích hoặc yêu cầu trích các tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của C thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thu nợ*”. Vì vậy mà Ngân hàng TMCP B đã căn trừ số nợ gốc và lãi trong thẻ tín dụng là 18.304.077 đồng, vào số tiền ông M gửi tiết kiệm là phù hợp với thỏa thuận mà 2 bên đã ký kết. Ông M cho rằng số tiền ông rút 12.000.000 đồng không phải nằm trong thẻ tín dụng 23.000.000 đồng ông vay của ngân hàng B, mà nằm trong tổng số tiền 1000 USD (tương đương số tiền 22.500.000 VNĐ) khách hàng của ông chuyển trả tiền mua hàng và hiện trong thẻ tín dụng vẫn còn số tiền 10.500.000 đồng (22.500.000 đồng – 12.000.000 đồng) khách hàng chuyển cho ông. Tuy nhiên ngân hàng không thừa nhận lời trình bày này của ông M và ông M không cung cấp được họ tên của người chuyển tiền; qua sao kê tài khoản tại Ngân hàng TMCP B thì không có ai chuyển tiền vào tài khoản của ông M như ông M trình bày. Vì vậy, việc ông M

khởi kiện yêu cầu Ngân hàng TMCP B trả lại cho ông số tiền 10.500.000 đồng còn trong thẻ tín dụng và số tiền 18.304.077 đồng (gốc + lãi của 12.000.000đ) ngân hàng đã cân trừ vào tiền ông M gửi tiết kiệm là không có cơ sở chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng.

Ông M kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông M, áp dụng Khoản 1, Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Tấn M làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Phan Tấn M như sau:

Ông Phan Tấn M khởi kiện yêu cầu trả số tiền 18.304.077 đồng ngân hàng đã thu trừ vào số tiền trong sổ tiết kiệm của ông và trả lại cho ông số tiền còn trong thẻ là 10.500.000 đồng.

Theo các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự thể hiện: Ngày 04/6/2019 ông Phan Tấn M mở thẻ tiết kiệm số AA540838, thời hạn gửi từ ngày 04/6/2019 đến ngày 04/12/2020 với số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 08/7/2019 ông Phan Tấn M ký phát hành thẻ tại Ngân hàng thẻ mã số 420692001145333. Sau đó, ông M có rút số tiền 12.000.000 đồng từ thẻ ngân hàng nêu trên. Ngày 04/12/2020, đến thời hạn tất toán thẻ tiết kiệm số AA540838 số tiền 50.000.000 đồng lãi suất 8,6%, tổng số tiền gốc và lãi 56.393.607 đồng, ngân hàng trích số tiền 18.304.077 đồng cho việc ông M nợ thẻ tín dụng.

Xét thấy, theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng (*gọi tắt hợp đồng tín dụng*) ngày 08/7/2019 và bản điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và giấy xác nhận ngày 15/7/2019 thì có đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông M với hạn mức sử dụng là 23.000.000 đồng. Quá trình sử dụng kể từ thời điểm kích hoạt thẻ đến ngày 23/3/2020, ông M đã rút số tiền 12.000.000 đồng từ thẻ ngân hàng là có thật. Tuy nhiên, ông M cho rằng số tiền 12.000.000 đồng nằm trong tổng số tiền 1000USD (tương đương số tiền 22.500.000 VNĐ) khách hàng của ông chuyển trả tiền hàng và hiện còn lại trong tài khoản số tiền 10.500.000 đồng. Tuy nhiên Ngân hàng không thừa nhận lời trình bày này của ông M và ông M không cung cấp được họ tên của người chuyển tiền; qua sao kê tài khoản tại Ngân hàng thì không có ai chuyển tiền vào tài khoản của ông M như ông trình bày. Theo thỏa thuận của hai bên tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng thì “*Khi đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải trả, ngân hàng được quyền áp dụng các biện pháp bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau để thu nợ: ...Tự động trích hoặc yêu cầu trích các tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của C thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thu nợ.* Vì vậy, Ngân hàng đã cân trừ số nợ gốc và lãi trong thẻ tín dụng vào số tiền ông M gửi tiết kiệm là phù hợp với thỏa thuận mà 2 bên đã ký kết.

Do đó, đến thời hạn tất toán thẻ tiết kiệm số AA540838 số tiền 50.000.000 đồng, ngân hàng trích số tiền 18.304.077 đồng (gốc; lãi; phí) cho việc ông M nợ thẻ tín dụng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu trả số tiền còn lại trong thẻ tín dụng là 10.500.000 đồng, như đã phân tích trên, ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

3.1 Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Tấn M phải chịu 1.440.200 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được căn trừ vào biên lai tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001676 ngày 14 tháng 06 năm 2021; biên lai số 0000675 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông M còn phải nộp số tiền là 670.200 đồng (*sáu trăm bảy mươi nghìn hai trăm đồng*).

3.2 Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tấn M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DSST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức Tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 116, 117, 385, 463, 466 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức...; Thông tư số 03/VBHN-NHNN ngày 17 tháng 01 năm 2020 quy định về hoạt động thẻ tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tấn M về việc “Tranh chấp tiền gửi; tranh chấp sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng”.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Tấn M phải chịu 1.440.200 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được căn trừ vào biên lai tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001676 ngày 14 tháng 06 năm 2021; biên lai số 0000675 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông M còn phải nộp số tiền là 670.200 đồng (*sáu trăm bảy mươi nghìn hai trăm đồng*).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Tấn M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 7635 ngày 12/5/2023, ông M đã nộp xong.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên